TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2017/DSTC-ST
Ngày: 13/9/2017
V/v "Tranh chấp đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Hoàng Cúc Phương
2. Ông: Vừ A Sử

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thụ - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ* tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 09 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 80/2016/TLST- DSTC ngày 29/8/2016 về việc "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2017/QĐST-DSTC ngày 23 tháng 8 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2017/ QĐST-DSTC ngày 08/9/2017, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Lò Thị X

Địa chỉ: số nhà 04, tổ dân phố 12, thị trấn S M, huyện S M, tỉnh S L. (Có mặt)

* *Bị đơn*: Bà Cà Thị D.

Nơi cư trú, làm việc cuối cùng: Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

Hiện đang cư trú tại: tổ dân phố 12, xã C L, huyện T C, tỉnh S L. (Vắng mặt)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Tòng Văn X

Địa chỉ: số 04, tổ dân phố 12, thị trấn S M, huyện S M, tỉnh S L. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 23/8/2016 , quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Lò Thị X trình bày:

Do có quen biết, nên vào khoảng thời gian từ tháng 4 đến cuối tháng 6 năm 2012, bà Lò Thị X có cho bà Cà Thị D vay tổng số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào cuối tháng 4 đầu tháng 5 năm 2012 bà X cho bà D vay 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng), bà X đưa trực tiếp cho bà D, hai bên không làm hợp đồng vay.

Lần thứ hai: Vào cuối tháng 6 năm 2012, bà X tiếp tục gửi cho bà D vay thêm 75.000.000đ (Bẩy mươi lăm triệu đồng), bà X gửi vào tiền tài khoản của bà D.

Đến hết tháng 12 năm 2012, bà X gọi điện thoại cho bà D để đòi số tiền trên, nhưng đến nay, bà D vẫn chưa trả cho bà X số tiền vay trên.

Bà X khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên giải quyết, buộc bà D phải trả cho bà X tổng số tiền vay gốc 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và lãi xuất theo quy định của pháp luật.

*** Tại bản bản tự khai ngày 08/3/2017 bị đơn bà Cà Thị D trình bầy:**

Trong thời gian năm 2012, bà D không được ký kết hợp đồng hoặc vay nợ bà Lò Thị X bất kỳ khoản tiền nào.

Đối với giấy nộp tiền ngày 25/6/2012 bà X chuyển tiền vào tài khoản của bà D tổng số tiền là 75.000.000đ(Bẩy mươi lăm trệu đồng) là do ông Xuân(chồng bà X) và bà X có đến nhà bà D nhờ mua giúp mật gấu và cao hổ cốt để đi làm quà. Vợ chồng ông bà Xuân, X lấy số tài khoản của bà D và đã chuyển 75.000.000đ (bẩy mươi lăm triệu đồng) vào tài khoản của bà D. Bà D nhận đủ tiền và đã mua 15 chỉ mật gấu, 02 lạng cao hổ cốt hết số tiền trên. Ông, bà Xuân X đã nhận đủ số mật gấu và cao hổ cốt tại nhà bà D ở số nhà 98, tổ dân phố 4, phường Him Lam, thành phố ĐiệnBiên Phủ, tỉnh Điện Biên. Sau khi lấy được mật gấu và cao hổ xong, bà X đã làm đơn lên cơ quan bà D tại Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên để vu khống bà D lấy tiền của bà X, do đó bà D đã làm đơn yêu cầu cơ quan điều tra công an huyện S M, tỉnh S L điều tra làm rõ và đã kết thúc vào cuối năm 2013.

Do vậy, bà D không nhất trí trả cho bà X số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) theo yêu cầu của bà X.

* Tại phiên tòa, bà X có yêu cầu đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng trong vụ án là ông Tòng Văn Xuân (chồng bà X), với lý do số tiền bà X cho bà D vay là tài sản chung của vợ chồng bà, hơn nữa bà D cho rằng vợ chồng bà có nhờ bà D mua hộ mật gấu và cao hổ, nên bà X thấy cần thiết phải đưa ông Xuân vào tham gia tố tụng để đảm bảo quyền lợi cho vợ chồng bà cũng như để làm sáng tỏ vụ án.

*** Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tòng Văn X trình bầy:**

Ông X được biết vợ ông (bà X) và bà D là chỗ quen biết với nhau, nên vào năm 2012, bà X có cho bà Cà Thị D vay tổng số tiền 100.000.000 đ (một trăm triệu đồng). Lần thứ nhất, bà X đưa trực tiếp cho bà D 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng); lần thứ hai bà X gửi vào tài khoản của bà D 75.000.000đ (Bẩy mươi lăm triệu đồng). Đến nay, bà D vẫn chưa trả số tiền trên cho bà X. Việc bà D cho rằng số tiền 75.000.000đ (bẩy mươi lăm triệu đồng) là do vợ chồng ông nhờ mua mật gấu và cao hổ cốt là hoàn toàn bịa đặt. Ông X đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết vụ án một cách khách quan theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 16/8/2017, bà Lò Thị X có đơn gửi Tòa án nhân dân thành phố ĐBP xin rút một phần yêu khởi kiện đối với khoản tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng). Ngày 21/8/2017 Tòa án nhận được đơn xin rút yêu cầu trên, ngày 23/8/2017, Tòa án nhân dân thành phố ĐBP ra Quyết định đình chỉ một phần việc giải quyết vụ án dân sự trên đối với khoản tiền bà X yêu cầu bà D trả cho bà X 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn đòi lại số tiền vay nợ, tuy nhiên việc vay nợ này không được hai bên ký kết bằng hợp đồng vay cũng như không có giấy vay tiền giữa bà X và bà D, do đó cần xác định đây là vụ việc tranh chấp thuộc quan hệ pháp luật dân sự "Tranh chấp đòi lại tài sản", được quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong đơn khởi kiện ban đầu, bà X cung cấp địa chỉ của bà D tại tổ dân phố 4, phường H L, thành phố ĐBP, tỉnh ĐB. Quá trình giải quyết vụ án, bà D không có mặt và cũng không có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ do bà X cung cấp. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 được quy định như sau:

"1. Nguyên đơn có quyền lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp về dân sự...trong các trường hợp sau đây:

a) Nếu không biết nơi cư trú... của bị đơn thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở cuối cùng hoặc nơi bị đơn có tài sản giải quyết"

Xét, bà D có nơi cư trú, có trụ sở làm việc cuối cùng tại Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên, nên vụ án vẫn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, theo quy định tại điểm a khoản 1Điều 35của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2.Về Nội dung:

* Đối với yêu cầu của bà X về việc yêu cầu bà D phải trả cho bà X số tiền 75.000.000đ (Bẩy mươi lăm triệu đồng) tiền vay gốc và yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền trên như sau:

Bà X cho bà D vay tiền nhưng hai bên không làm hợp đồng vay, mà giao dịch vay tiền này chỉ được thể hiện qua việc bà X gửi tiền cho bà D vào tài khoản của bà D số tiền 75.000.000đ, được bà X chứng minh bằng một giấy nộp tiền vào tài khoản của bà D ngày 25/6/2012 tại Ngân hàng Agribank Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Tại bản tự khai của bà D gửi Tòa án, bà D có thừa nhận việc bà đã nhận được số tiền 75.000.000đ (Bẩy mươi lăm triệu đồng) do bà X gửi vào tài khoản của bà D. Bà D cho rằng bà nhận tiền của bà X là để mua mật gấu và cao hổ cốt cho vợ chồng bà X, và bà X đã được nhận mật gấu và cao hổ cốt trên.

Với yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở bởi các lý do sau:

[1] Mặc dù giữa bà X và bà D không ký kết hợp đồng vay tiền với nhau, nhưng việc bà X chuyển tiền vào tài khoản của bà D số tiền 75.000.000đ (bẩy mươi lăm triệu đồng) mục đích cho bà D vay là có thật, được thể hiện tại giấy nộp tiền ở Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Chứng cứ này phù hợp với lời trình bày của bà D trong bản tự khai ngày 08/3/2017 về việc bà D cũng thừa nhận đã nhận đủ số tiền trên do bà X gửi vào tài khoản của bà D, phù hợp với việc xác nhận của phía Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Điện Biên nơi bà D mở tài khoản, nội dung xác nhận "Giấy nộp tiền ngày 25/6/2012 của Ngân hàng Agribank Sông Mã, Sơn La và khách hàng nhận tiền là bà Cà Thị D có số tài khoản 8900205023075, số tiền giao dịch vào tài khoản của bà D là 75.000.000 đồng".

[2] Bà D cho rằng, bà nhận số tiền 75.000.000 đồng (Bẩy mươi lăm triệu đồng) của bà X là để mua 15 chỉ mật gấu, 02 lạng cao hổ cốt cho vợ chồng bà X, và việc này đã được Cơ quan điều tra huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La điều tra làm rõ và đã kết thúc vào cuối năm 2013. Tuy nhiên, bà D không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho những vấn đề bà đã nêu ở trên. Do vậy, quan điểm của bà D đưa ra là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa ông X không nhất trí với quan điểm của bà D, ông khẳng định việc nhờ mua mật gấu, cao hổ là hoàn toàn do bà D bịa đặt, không đúng sự thật . Ông X cho biết số tiền 75.000.000đ (bẩy mươi lăm triệu đồng là tiền của bà X gửi cho bà D vay. Lời trình bầy của ông X là phù hợp với lời khai của nguyên đơn và phù hợp với các tài liệu, chứng có trong hồ sơ vụ án, nên được chấp nhận.

Từ những đánh giá phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Việc bà X khởi kiện yêu cầu bà D trả lại cho bà X số tiền 75.000.000 đ (*Bẩy mươi lăm triệu đồng*) là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà D phải có trách nhiệm trả cho bà X số tiền gốc 75.000.000 đồng (*Bẩy mươi lăm triệu đồng*), theo quy định tại khoản 1 Điều 166 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 166 Bộ luật dân sự quy định.

"*1. Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật*"

Tại phiên tòa, bà X xin rút yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền 75.000.000đ (bẩy mươi lăm triệu đồng) mà bà D phải trả cho bà X. Xét việc rút yêu cầu này của bà X là tự nguyện và không trái với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần việc giải quyết vụ án dân sự về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với khoản tiền vay trên trong vụ án.

[4] Bà X cung cấp chứng cứ tại Tòa án 01 chiếc đĩa CD có nội dung ghi âm lại cuộc nói chuyện giữa bà X và bà D. Bà X cho rằng nội dung cuộc nói chuyện mà bà ghi lại được thể hiện việc bà X gọi điện đòi tiền bà D. Héi ®ång xÐt xö xÐt theo khoản 2 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự th× "*Tài liệu nghe được... được coi là chứng cứ nếu được xuất trình kèm theo văn bản trình bầy của người có tài liệu đó về xuất xứ của tài liệu nếu họ tự thu âm..hoặc văn bản có xác nhận của người đã cung cấp cho người xuất trình về xuất xứ của tài liệu đó về sự việc liên quan tới việc thu âm...đó*". Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà X không yêu cầu giám định giọng nói của bà D trong đoạn ghi âm trên. Nh vËy, việc bà X giao nộp cho Tòa án chiếc đĩa CD thu âm trên, nhưng không có văn bản xuất xứ là trái với quy định tại khoản 2 Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên chứng cứ này không đủ cơ sở để Héi ®ång xÐt xö xem xét trong vụ án.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, bà X xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bà D phải trả cho bà X số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng). Xét yêu cầu này của bà X là tự nguyện và không trái với quy định của pháp luật, nên ngày 23/8/2017, Tòa án nhân dân thành phố ĐBP ra Quyết định đình chỉ một phần việc giải quyết vụ án dân sự trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét đối với phần yêu cầu của bà X về khoản tiền 25.000.000 đồng trên trong vụ án.

[6] Tại phiên tòa bà X xin rút yêu cầu về việc yêu cầu bà D phải chịu lãi đối với số tiền 75.000.000đ (Bẩy mươi lăm triệu đồng). Xét yêu cầu này của bà X là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ phần yêu cầu giải quyết về lãi đối với số tiền trên trong vụ án dân sự, theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Căn cứ theo khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa 12 về án phí, lệ phí Tòa án thì bị đơn bà Cà Thị D phải chịu 3.750.000đ (ba triệu bẩy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

4. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48, 97, 98, 99, 196, 208, 209 của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng tư cách đương sự và quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ và tống đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, các thủ tục tại phiên tòa, có mặt đúng thời gian theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 72 ,85, 86 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thời hạn giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vẫn trong thời hạn xét xử.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bản tự khai của bị đơn, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa hôm nay đề nghị:

Áp dụng: khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 244 Bộ luật TTDS; Điều 166 Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lò Thị X, buộc bà Cà Thị D phải trả cho bà Lò Thị X số tiền 75.000.000 đồng.

Áp dụng: Điều 147 BLTTDS, Điều 27 pháp lệnh 10/2009/UBTVQH 12 buộc bà D phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 3.750.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

a) Pháp luật áp dụng:

Áp dụng: Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 147

Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa 12 về án phí, lệ phí Tòa án.

b) Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lò Thị X

Buộc bà Cà Thị D phải có trách nhiệm trả cho bà Lò Thị X số tiền gốc 75.000.000đ (Bẩy mươi lăm triệu đồng).

2. Đình chỉ một phần việc giải quyết về lãi đối với số tiền 75.000.000đ (bẩy mươi lăm triệu đồng) mà bà X phải trả cho bà D.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Cà Thị D phải nộp 3.750.000đ (Ba triệu bẩy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Hoàn trả cho bà Lò Thị X số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2016/0001086 ngày 23/8/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bà X cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bà D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự*
- *VKSND.TPĐBP*
- *Chị cục THA.TPĐBP*
- *TA tỉnh ĐB*
- *Lưu Hs.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thu Hằng